

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 22 - 6 - 2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Chánh.

Ông Đàm Thanh Vũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST - DS ngày 31/5/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào ngày 29/12/1995 âm lịch bà Nguyễn Thị T có vay của bà số tiền 2.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để làm vốn kinh doanh mua bán tết, khi vay tiền thì các bên có thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng, khi vay không có làm biên nhận gì cũng không có ai chứng kiến. Sau khi vay thì bà T đóng lãi được cho bà 02 tháng với số tiền 140.000 đồng thì bà T bỏ địa phương đi, không đóng lãi cho bà nữa. Trước đây, bà có khởi kiện bà T ra Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, nhưng

do bà T không có địa phương nên Tòa án không có giải quyết và trả lại đơn cho bà. Khi bà T về địa phương thì bà có nhiều lần đòi tiền nhưng bà T không trả. Bà làm đơn yêu cầu Tổ hòa giải ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng hòa giải, nhưng hòa giải thành.

Tại phiên tòa hôm nay bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền 2.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 29/02/1996 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

**\* Tại phiên hòa giải ngày 19/01/2021 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Vào năm 1995 bà không nhớ thời gian chính xác ngày tháng, bà có kêu bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi đó, bà H có đặt cọc cho bà số tiền là 1.800.000 đồng. Thỏa thuận đặt cọc giữa bà và bà H không có lập văn bản chỉ nói miệng, cũng không có ai chứng kiến. Sau đó, thì bà H nói là không chuyển nhượng đất của bà nữa, nên bà không có trả tiền cọc lại cho bà H. Thời gian sau, do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà bỏ địa phương đi làm ăn xa, đi được khoảng 12 năm thì bà quay về. Từ khi về địa phương sinh sống và cất nhà ở đến nay nhưng bà H không có nói hay đòi tiền gì bà hết. Đến thời gian gần đây bà H có yêu cầu địa phương giải quyết và kiện ra Tòa án để đòi tiền vay thì bà không thống nhất. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà không đồng ý, vì bà không có vay tiền của H thực tế đây là tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 1.800.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 29/02/1996 âm (nhằm ngày 16/4/1996) cho đến khi xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

**- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu là 2.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết mức lãi suất theo quy định. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu 2.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền 1.800.000 đồng, nhưng đây là tiền đặt cọc chuyển nhượng đất không phải tiền vay. Do nguyên đơn không tiếp tục chuyển nhượng đất như thỏa thuận nên bị đơn cũng không đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền này. Xét thấy: bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn tiền đặt cọc chuyển nhượng đất là 1.800.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Đối với số tiền vay theo yêu cầu của nguyên đơn là 2.000.000 đồng, thì thấy: nguyên đơn không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh việc bị đơn vay số tiền của nguyên đơn 2.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần theo lời thừa nhận của bị đơn. Buộc bị đơn trả số tiền vay còn thiếu cho nguyên đơn là 1.800.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/02/1996 âm (nhằm ngày 16/4/1996 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nhận thấy: theo bị đơn đây không phải là tiền vay nên không đồng ý trả lãi. Như nhận định tại mục [3] HĐXX xác định đây là khoản tiền vay bị đơn còn thiếu nguyên đơn. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có cơ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Đối với ngày vay nguyên đơn xác định ngày 29/12/1995 âm là ngày gần tết nguyên đán, do bị đơn thiếu vốn buôn bán nên mới hỏi vay tiền. Phía bị đơn thừa nhận năm 1995 có nhận tiền của nguyên đơn nhưng không nhớ rõ ngày, tháng nào. Xét thấy, mặc dù các bên không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ngày, tháng vay. Tuy nhiên, theo nguyên đơn xác định ngày vay là ngày 29/12/1995 âm là có lợi cho bị đơn vì đây là ngày gần cuối cùng của năm. Từ đó, HĐXX chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc xác định ngày vay là ngày 29/12/1995 âm. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả lãi được 02 tháng nên yêu cầu tính lãi từ ngày 29/02/1996 âm là có cơ sở và phù hợp theo quy định nên HĐXX chấp nhận. Đối với mức lãi nguyên đơn yêu cầu tính theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hợp đồng vay của các bên được thỏa thuận trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên về mức lãi suất được tính theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cụ thể như sau:

+ Từ ngày 16/4/1996 dương lịch (ngày 29/02/1996 âm) đến ngày **31/12/2005** HĐXX áp dụng theo quy định Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 1995 và Quyết định số 1103/QĐ-NHNN ngày 28/7/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 7,8%/năm (tương đương

0,65%/tháng. Do đó, lãi suất được tính: 09 năm 08 tháng 15 ngày x 1.800.000 đồng x 0,65%/tháng = **1.363.050 đồng**.

+ Từ ngày **01/01/2006 đến ngày 31/12/2016** HĐXX áp dụng theo quy định Điều 476 BLDS năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng). Do đó, lãi suất được tính: 10 năm 11 tháng 30 ngày x 1.800.000 đồng x 0,75%/tháng = 1.782.000 đồng.

+ Từ ngày 01/01/2017 dl đến ngày 22/6/2021 dl áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mức lãi suất được xác định là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, lãi suất được tính là: 04 năm 05 tháng 21 ngày x 1.800.000 đồng x 0,83%/tháng = **802.278 đồng**.

+ Tổng lãi được tính là: 3.947.000 đồng (đã làm tròn).

[5] Từ những nhận định nêu trên xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần không được chấp nhận. Tuy nhiên do bị đơn và nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 5.747.000 đồng (năm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Trong đó tiền vốn gốc là 1.800.000 đồng và tiền lãi là 3.947.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Không chấp một nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị T được miễn không phải chịu án phí.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Phước Toàn**